**THAM LUẬN CỦA HIỆP HỘI BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT VIỆT NAM**

*Chu Thị Vân Anh*

*Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký*

Hiện nay, Bộ Tài chính đang đề xuất bổ sung mặt hàng nước giải khát theo tiêu chuẩn Việt Nam với hàm lượng đường Trong bối cảnh nước giải khát có đường không phải là nguồn cung cấp đường và calories duy nhất và cao nhất, do đó không phải là nguyên nhân duy nhất và chủ yếu dẫn đến TCBP và các bệnh không lây nhiễm, Hiệp hội đề nghị không áp thuế TTĐB đối với nước giải khát có đường vì hiệu quả của chính sách thuế lên mục tiêu bảo vệ sức khoẻ là không rõ ràng trong khi gây ra các tác động lớn đến sự phục hồi của ngành nước giải khát, ảnh hưởng chung đến lao động việc làm và nền kinh tế.

**1. Mức tiêu thụ nước giải khát của Việt Nam không cao so với nhiều nước trong khu vực và thế giới.** Nhiều nước có mức tiêu thụ nước giải khát cao hơn Việt Nam nhưng cũng không áp thuế TTĐB lên nước giải khát.

* Theo số liệu trong báo cáo của Bộ Tài chính, mức tiêu thụ đồ uống có đường ở Việt Nam năm 2018 là 50,7 lít/người/năm. Theo số liệu trong báo cáo của Bộ Y tế, năm 2020 Việt Nam tiêu thụ 3,3 tỷ lít nước giải khát, tức là tương đương với khoảng 34 lít/người/năm nếu tính trên số dân là 96 triệu người vào năm 2020[[1]](#footnote-1) . Như vậy, theo số liệu của hai cơ quan trên thì mức độ tiêu thụ đồ uống có đường tại Việt Nam từ năm 2018 đến năm 2020 có chiều hướng giảm đáng kể.
* Mức độ tiêu thụ này cũng khá thấp so với các nước trong khu vực và trên thế giới.
* Theo báo cáo của Hiệp hội ngành giải khát châu Âu (UNESDA) năm 2019, mức tiêu thụ nước giải khát bình quân đầu người ở châu Âu là 243,9 lít/ người, tức là gấp gần 4,8 lần so với Việt Nam. Các quốc gia có mức tiêu thụ nước giải khát bình quân đầu người cao nhất ở châu Âu là Đức (336,3 lít/người), Hungary (310,3 lít/ người) và Bỉ (272,4 lít/người). Trong số 26 quốc gia châu Âu có lượng tiêu thụ nước giải khát trên 100 lít/người/năm chỉ có 11 quốc gia áp dụng thuế tiêu thụ đặc biệt với nước giải khát. Đức mặc dù là nước có tỷ lệ tiêu thụ nước giải khát cao nhất châu Âu cũng không áp dụng thuế TTĐB đối với nước giải khát.[[2]](#footnote-2)
* Tại châu Á, nhiều nước cũng có mức tiêu thụ bình quân đồ uống có đường trên 100 lít/người/năm như Nhật Bản và Hàn Quốc lần lượt là 169,28 lít/người/năm và 96,51 lít/người/ năm (theo số liệu dự báo của Statis năm 2023)[[3]](#footnote-3) [[4]](#footnote-4) nhưng đều không áp thuế TTĐB đối với đồ uống có đường. Nhật Bản không áp dụng thuế TTĐB đối với nước giải khát, nhưng lại là quốc gia có tỷ lệ thừa cân, béo phì thấp nhất trong khu vực và trên thế giới với tỉ lệ béo phì ở người lớn là 4,5%; tỉ lệ thừa cân và béo phì ở trẻ em lần lượt là 3,8 % và 4,1%.[[5]](#footnote-5).
	+ Tại khu vực châu Mỹ La tinh, theo số liệu của Euromonitor công bố năm 2018 cho thấy mức tiêu thụ đồ uống có đường bình quân đầu người hàng ngày ở khu vực này là 252 ml/người/ngày, tương ứng với khoảng 91,98 lít/người/năm. Trong đó Mexico và Chile có mức tiêu thụ đồ uống có đường bình quân lần lượt là 450ml/người/ngày và 384 ml/người/ngày, tương ứng với 164,25 lít/người/năm và 140.16 lít/người/năm[[6]](#footnote-6) . Ở Hoa Kỳ, theo dữ liệu độc quyền từ Tập đoàn Tiếp thị Đồ uống (BMC) mức tiêu thụ nước giải khát năm 2021 khoảng 140,5 lít/ người/ năm [[7]](#footnote-7).

**2. Chính sách này ảnh hưởng không nhỏ đến sự phục hồi của các doanh nghiệp trong ngành, đặc biệt trong bối cảnh giá thành các nguyên liệu gia tăng và người tiêu dùng thắt chặt chi tiêu, doanh nghiệp cũng đồng thời chịu nhiều sức ép từ các nghĩa vụ tài chính phát sinh**

* Kể từ khi đại dịch Covid, lợi nhuận toàn ngành đã giảm tới 67%, trong đó mức giảm nghiêm trọng nhất ở khối doanh nghiệp nhỏ và vừa, nhiều doanh nghiệp phải đối mặt với nguy cơ phá sản. Mặc dù có những dấu hiệu phục hồi trong thời gian gần đây nhờ những hỗ trợ về mặt vĩ mô của Chính phủ và nỗ lực của mỗi doanh nghiệp, nhưng công suất sản xuất của toàn ngành vẫn ở mức dưới 80% và các doanh nghiệp trong ngành đã và đang bị ảnh hưởng bởi lạm phát kéo theo sự suy giảm xu hướng tiêu dùng toàn cầu, chi phí nguyên vật liệu gia tăng và sự đứt gãy cung cầu với biến động khó lường và tăng giá của nguyên vật liệu và nhiên liệu.
* Các doanh nghiệp cũng đã và đang đồng thời chịu nhiều sức ép từ các trách nhiệm tài chính mới như trách nhiệm tái chế vàcó thể phải thực hiện một số trách nhiệm khác như kiểm kê và giảm phát thải khí nhà kính cùng hàng loạt các loại phí môi trường đang dự kiến bổ sung mới như phí khí thải, phí nước thải v.vtheo quy định của pháp luật bảo vệ môi trườngvới chi phí ước tính lên tới hàng trăm tỉ đồng

**3. Đánh thuế tiêu thụ đặc biệt đối với đồ uống có đường có thể sẽ khiến người tiêu dùng dịch chuyển sang sử dụng các loại đồ uống có đường khác được sản xuất thủ công, nhập lậu** vốn rất phổ biến trên thị trường và có thể có giá thành rẻ hơn do không phải chịu thuế TTĐB khiến mục tiêu chính sách không đạt được trong khi ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển của ngành công nghiệp đồ uống và tạo điều kiện cho các mặt hàng đồ uống không chính thức, sản xuất thủ công hoặc nhập lậu phát triển, nhất là trong tình hình thu nhập giảm, lạm phát tăng cao như hiện nay.

1. Bộ Y tế, Vụ Pháp chế, “Cải cách chính sách thuế tiêu thụ đặc biệt từ góc độ sức khoẻ”, Hội thảo Trao đổi về một số nội dung của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt ngày 17 tháng 11 năm 2023, trang 4 [↑](#footnote-ref-1)
2. Atlantic Healthy Food EcoSystem (2021), “Soft Drinks: European market, consumer trends, and innovation”, https://www.ahfesproject.com/app/uploads/2021/09/AHFES-A6.2\_Soft-drinks-report\_20210901.pdf”. [↑](#footnote-ref-2)
3. Statista (2023), “Market Insights: Non-alcoholic Drinks – Japan”, https://www.statista.com/outlook/cmo/non-alcoholic-drinks/japan, truy cập ngày 12 tháng 11 năm 2023. Số liệu về nước giải khát được tính toán trên cơ sở số liệu về đồ uống không cồn bao gồm đồ uống có ga, đồ uống không có ga, nước trái cây, chè và cafe pha sẵn (không bao gồm nước uống tinh khiết). [↑](#footnote-ref-3)
4. Statista (2023), “Non-Alcoholic Drinks - South Korea”, https://www.statista.com/outlook/cmo/non-alcoholic-drinks/south-korea. Số liệu về nước giải khát được tính toán trên cơ sở số liệu về đồ uống không cồn bao gồm đồ uống có ga, đồ uống không có ga, nước trái cây, chè và cafe pha sẵn (không bao gồm nước uống tinh khiết [↑](#footnote-ref-4)
5. Global Obesity Observatory (2019), “Obesity Prevalence: Japan”, https://data.worldobesity.org/country/japan-105/#data\_prevalence, truy cập ngày 20 tháng 11 năm 2023 [↑](#footnote-ref-5)
6. Barry M Popkin (2017), “Obesity and the food system transformation in Latin America”, Đại học North Carolina, https://www.researchgate.net/publication/324748534\_Obesity\_and\_the\_food\_system\_transformation\_in\_Latin\_America, trang 7. [↑](#footnote-ref-6)
7. Tatiana Andreyeva (2021), “Large State Variation in Sugar-Sweetened Beverage Purchases: What We Learn from the Beverage Industry Data”, https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S2475299122106062, truy cập ngày 12 tháng 11 năm 2023 [↑](#footnote-ref-7)